



I. VĂN BẢN: BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

Câu 1. Phrăng vốn là một cậu bé ham chơi, ngại học và rất sợ thầy giáo. Nhưng trong buổi học Pháp văn cuối cùng, những tình cảm và suy nghĩ của cậu về tiếng Pháp và về thầy Ha-men đã hoàn toàn thay đổi:

- Khi được thầy Ha-men cho biết đây là buổi học Pháp văn cuối cùng, cậu bé cảm thấy choáng váng, sững sờ; sau đó là sự tiếc nuối ân hận về sự lười nhác học tập, ham chơi của mình. Lần đầu tiên Phrăng thấy mình hiểu bài đến thế khi nghe thầy giảng, cậu nhận ra được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng Pháp và tha thiết muốn được trau dồi học tập mặc dù đã không còn cơ hội nữa.

- Với thầy Ha-men, cậu bé cảm thấy thương yêu và biết ơn người thầy đã cống hiến 40 năm cuộc đời mình cho ngôi làng An-dát. Trong lòng cậu bé dấy lên bao cảm xúc, vừa là sự đồng cảm, thấu hiểu xót xa với những nỗi niềm của thầy; vừa là sự kính trọng, cảm phục đối với thầy.

Câu 2. HS nêu cảm nghĩ về thầy Ha-men ở cuối truyện với các ý sau đây

- Bối cảnh: Tiếng chuông nhà thờ điểm 12 tiếng và tiếng kèn của bọn lính Phổ đột ngột vang lên như báo hiệu giờ phút kết thúc của buổi học, cũng là chấm dứt việc dạy và học bằng tiếng Pháp.

- Diễn biến tâm trạng của nhân vật: bàng hoàng, đau đớn xúc động đến cực điểm; thể hiện qua những cử chỉ khác thường: người tái nhợt, nghẹn ngào không nói được hết câu, dồn tất cả sức mạnh viết lên bảng dòng chữ thiêng liêng “ Nước Pháp muôn năm”, rồi như kiệt sức, đầu dựa vào tường và gơ tay ra hiệu cho học sinh.

- Qua bối cảnh câu chuyện và sự khác thường trong cử chỉ, cảm xúc, hành động thầy Ha men, ta nhận ra được tình cảm yêu nước, yêu quý tiếng nói dân tộc tha thiết, nỗi đau xót trước việc tiếng Pháp bị cấm dạy trong nhà trường của thầy. Hình ảnh thầy Ha-men hiện lên thật lớn lao, dũng cảm và đáng kính trong tình cảm của cậu học trò nhỏ Phrăng.

II. TIẾNG VIỆT

1. Bài tập SGK tr 58,59:

❖ Bài 1 (SGK)

Xác định xem đối tượng nào đã được nhân hóa.

- Dựa vào đối tượng nhân hóa vừa xác định được cùng nội dung đoạn văn muốn thể hiện, chỉ ra tác dụng của phép nhân hóa.

⇒ Các đối tượng được nhân hóa:

+ tàu (tàu mẹ, tàu con)

+ xe (xe anh, xe em tíu tí)

⇒ Tác dụng: Phép nhân hóa đã giúp cho người đọc hình dung được một cách cụ thể, sống động hơn cảnh lao động nhộn nhịp, vất vả trên bến cảng. Mọi

vật được miêu tả trong đoạn như có hồn hơn, có cuộc sống lao động bận rộn chẳng khác gì con người.

❖ Bài 2 (SGK)

- Các em hãy so sánh đoạn văn trong bài tập 1 (có dùng phép nhân hóa) với đoạn văn được viết lại trong bài tập 2 (không dùng phép nhân hóa) và qua đây thấy rõ hơn tác dụng của phép nhân hóa đã dùng trong bài tập 1.

- Các em có thể thấy sự diễn đạt khác nhau trong hai đoạn văn như sau:

Đoạn văn trong bài tập 1	Đoạn văn trong bài tập 2
đông vui	<i>nhiều tàu xe</i>
tàu mẹ	<i>tàu lớn</i>
tàu con	<i>tàu bé</i>
xe anh	<i>xe to</i>
xe em	<i>xe nhỏ</i>
túi tí	<i>nhận hàng, chở hàng</i>
bận rộn	<i>hoạt động liên tục</i>

❖ Bài 3 (SGK)

- Tìm sự khác nhau trong hai đoạn văn.

- Giải thích lí do khi lựa chọn đoạn văn cho văn bản biểu cảm và cho văn bản thuyết minh.

⇒ Để thấy sự khác nhau, các em hãy so sánh cách diễn đạt trong hai đoạn văn qua bảng so sánh, đối chiếu sau đây:

Đoạn văn 1	Đoạn văn 2
cô bé Chổi Rơm	<i>chổi rơm</i>
xinh xắn nhất	<i>đẹp nhất</i>
chiếc váy vàng óng	<i>tét bằng rơm nếp vàng</i>
áo của cô	<i>tay chổi</i>
cuốn từng vòng quanh người	<i>quấn thành cuộn</i>

⇒ Cách viết trong đoạn văn thứ nhất có sử dụng phép nhân hóa, vì thế phù hợp với giọng văn của văn bản miêu tả. Còn trong đoạn văn thứ hai không sử dụng phép nhân hóa mà dùng cách gọi tên trực tiếp đối tượng nên phù hợp với giọng văn của văn bản thuyết minh.

❖ Bài 4 (SGK)

- Chỉ ra kiểu nhân hóa có trong đoạn trích

- Nêu tác dụng của kiểu nhân hóa đó.

⇒ Các kiểu nhân hóa và tác dụng của chúng như sau:

a) Câu ca dao

- Kiểu nhân hóa: Trò chuyện xưng hô với vật như đối với người
- Tác dụng: Coi vật như tri âm, tri kỉ để bộc lộ tâm tình, giải bày những tâm sự kín đáo trong lòng người.

b) Đoạn văn của Tô Hoài

- Kiểu nhân hóa
 - + Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.
 - + Dùng những từ vốn để gọi người để gọi vật: họ, anh Cò,...
- Tác dụng:

+ Bức tranh miêu tả cuộc sống động vật nhờ nhân hóa mà trở nên có tâm hồn, tình cảm như con người.

+ Giúp cho người đọc hình dung một cách cụ thể hơn, rõ ràng hơn về sự việc được miêu tả trong đoạn văn.

c) Đoạn văn của Võ Quảng

- Kiểu nhân hóa: Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.
- Tác dụng: Các em có thể dựa vào tính chất biểu cảm như đã chỉ ra trong đoạn văn của Tô Hoài để phân tích.

d) Đoạn văn của Nguyễn Trung Thành

- Kiểu nhân hóa: Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.
- Tác dụng: Tham khảo việc phân tích tác dụng của phép nhân hóa trong đoạn văn của Tô Hoài.

2. Bài tập bổ sung:

a) Chị (cách gọi dùng cho người), nghe không hiểu, muốn, định thần, trợn tròn mắt, lò dò, hỏi.

b) Chống lại, xung phong, giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, hi sinh, bảo vệ, anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.

⇒ Tác dụng làm cho sự vật có tính cách, hoạt động, ... như người (đưa sự vật vào thế giới con người); làm cho sự vật trở nên sống động, gần gũi với con người hơn. (HS tự khai thác thêm các giá trị cụ thể của nhân hóa trong từng đoạn trích)

III. TẬP LÀM VĂN

1. Các chi tiết tiêu biểu có thể được lựa chọn khi miêu tả:

- Một em bé đang tập nói, tập đi: mắt đen tròn ngây thơ, môi đỏ như son/ chúm chím như nụ hồng, chân tay mũm mĩm/tròn lẳn, mập mạp/mảnh dẻ, miệng cười toe toét, nước da trắng mịn/trắng hồng, giọng nói trong veo/thỏ thẻ, lời nói bập bẹ ngây thơ/ ngộ nghĩnh/ngọng nghịu dễ thương, tiếng cười khanh khách/giòn tan; bước chân non nớt/chập chững/...

- Cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp: giọng nói trong trẻo/trầm ấm, cử chỉ âu yếm, ân cần, đôi mắt lấp lánh khích lệ...

* *Chú ý khuyến khích sự sáng tạo của học sinh*

Lập dàn ý (cơ bản) cho bài văn miêu tả một trong các đối tượng trên. Nếu lập dàn ý bài văn miêu tả cô giáo của em đang say sưa giảng bài trên lớp, cần tập trung vào những yếu tố sau:

- Mở bài: Giới thiệu khung cảnh lớp học, tên cô giáo hoặc tên môn học.

- Thân bài: Miêu tả những nét tiêu biểu về cử chỉ, hình dáng, điệu bộ, biểu hiện sự phạm của cô giáo... gắn với diễn biến của bài học hoặc giờ học.

- Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về cô giáo qua giờ học đó.